

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31/5/2022

V/v “*Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trang Thị Huỳnh Phương
2. Bà Sơn Ngọc Ngoan

Thư ký phiên tòa: Châu Thị Phụng Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Hân– Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 340/2021/TLST–DS ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐST - HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Lý Hồng Y, sinh năm 2002 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp Phước An, xã Long Toàn, Thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh
2. *Bị đơn:* Bùi Văn Đ, sinh năm 1992 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp Sóc Thát, xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*
 - Ông Bùi Văn C, sinh năm (vắng mặt)
 - Bà Tạ Thị N, sinh năm 1967 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp Sóc Thát, xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
 - Tạ Văn H, sinh năm 1973 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp Qui Nông A, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
 - Võ Thị Hồng V (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp Phước An, xã Long Toàn, Thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của chị Lý Thị Hồng Y như sau:*

Chị Y và anh Đ chung sống năm 2019 không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống không có con chung. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Là do tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung không còn thương nhau nên xin ly hôn.

Về tài sản chung: 01 xe mô tô biển số 84B1-884.10 giấy đăng ký xe mô tô số 61110061 do anh Bùi Văn Đ đứng tên; 01 nhà tường cấp 4 kết cấu bê tông, cốt thép, mái tol, nền lát gạch men trị giá 200.000.000 đồng; Tài sản dụng cụ mua bán thuốc tây trị giá 50.000.000 đồng; Tài sản tiệm uống tóc trị giá 20.000.000 đồng; Tiền mua bia để bán tết là 20.000.000 đồng; 09 chỉ vàng 24k.

Về nợ chung: Nợ bà Tạ Thị N số tiền hụi 14.000.000 đồng; Nợ ông Tạ Văn H số tiền 20.000.000 đồng; Nợ bà Võ Thị Hồng V 20.000.000 đồng.

Chị Y yêu cầu tài sản chung chia đôi, nợ chung chia đôi. Ngày 12/5/2022 chị Y có đơn xin rút đơn khởi kiện không yêu cầu tòa giải quyết phần tài sản chung, nợ chung. Chị Y yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

** Theo biên bản ghi lời khai của anh Đ như sau:*

Anh Đ thống nhất lời khai của chị Y về thời điểm kết hôn, thời gian chung sống, không có con chung. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh và chị Y không có tiếng nói chung như chị Y trình bày. Nay chị Y xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Y. Về tài sản chung và nợ chung chị Y trình bày không đúng nhưng do chị Y rút đơn yêu cầu chia tài sản và nợ nên anh đồng ý, không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã nhận định:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Những vấn đề khác Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hôn nhân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Anh Đ và chị Y chung sống không đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố chị Y và anh Đ không phải vợ chồng. Về con chung không có nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Y đã có đơn xin rút không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đình chỉ giải quyết.

Về án phí, lệ phí thẩm định, định giá buộc đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án chị Y có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh Đ và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng có đơn yêu cầu xét

xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sựĐ căn cứ để xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Y và anhĐ chung sống với nhau vào năm 2020 do cha mẹ hai bên tổ chức cưới gả, không có đăng ký kết hôn nên không được xem là hôn nhân hợp pháp nên không xem xét cho chị Y và anhĐ ly hôn mà tuyên bố chị Y và anhĐ không phải là vợ chồng.

[3] Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Vào ngày 12/5/2022 chị Y có đơn xin rút đơn khởi kiện không yêu cầu tòa giải quyết phần tài sản chung, nợ chung. Phía anhĐ và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cũng đồng ý với yêu cầu rút đơn khởi kiện phần tài sản và nợ chung của chị Y nên Tòa án không xem xét mà đình chỉ giải quyết phần tài sản chung, nợ chung đối với yêu cầu của chị Y.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật

[7] Về lệ phí thẩm định, định giá: Buộc chị Y phải chịu 600.000 đồng. Chị Y đã nộp tạm ứng trước chi cho hội đồng thẩm định, định giá xong không phải nộp nữa

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 217; 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận chị Lý Hồng Y và anh Bùi Văn Đ là vợ chồng.

Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Đình chỉ giải quyết phần tài sản chung, nợ chung đối với yêu cầu của chị Y

Về lệ phí thẩm định tại chỗ và định giá: Buộc chị Y phải chịu 600.000 đồng. Chị Y đã nộp tạm ứng trước chi cho hội đồng thẩm định, định giá xong không phải nộp nữa

Về án phí: Buộc chị Y phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004707 ngày 05/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành; Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho chị Y đã nộp số tiền 3.875,000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005402 ngày 16/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án

hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Đỗ Thị Thu Hằng